TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CAO LÃNH** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2021/HS-ST
Ngày: 12-01-2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Thanh Thảo

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Quang Thanh

Ông Bùi Văn Dũng

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Kim Khuyên – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Lãnh tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Hữu Phú – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 01 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 125/2020/TLST-HS ngày 23 tháng 11 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 410/2020/QĐXXST-HS ngày 23 tháng 12 năm 2020 đối với bị cáo:

Họ và tên: Nguyễn Thành T, sinh năm 1977, tại Đồng Tháp; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ L, Khóm A, Phường A, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp; Nghề nghiệp: Tài xế; Trình độ học vấn: 11/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Thành V (chết) và bà Hồ Thị M (chết); có vợ tên Nguyễn Thị Thùy D, sinh năm 1984, có 02 con, con lớn sinh năm 2003, con nhỏ sinh năm 2014; Tiền án: Không; Tiền sự: không. Hiện bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- *Bị hại:* Lê Thị M, sinh năm 1975; (Có mặt tại phiên tòa)

Địa chỉ: Ấp 3, xã Phương T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:* Nguyễn Thị Thùy D, sinh năm 1985; Địa chỉ: Tổ 10, Khóm A, Phường A, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp (Vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI D VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo là khách thường xuyên tại quán cà phê N trên đường N thuộc Tổ Z, Khóm E, Phường A, thành phố C. Khoảng 11 giờ 10 phút ngày 29/7/2020, bị cáo Nguyễn Thành T một mình điều khiển xe môtô Honda Vision biển kiểm soát 66P2-225.37 đến uống cà phê tại quán N. Do nợ nần và bị các chủ nợ đòi nên trong lúc uống cà phê, bị cáo hỏi vay mượn tiền của chị Lê Thị M, sinh năm 1975, ngụ Ấp C, xã P, huyện C là người phụ bán quán cà phê Nhung Nhung để trả nợ nhưng chị M không đồng ý. Đến khoảng 12 giờ cùng ngày, bị cáo thấy xe môtô Wave màu xanh biển kiểm soát 66H6-7132 của chị My đậu trong sân quán gần xe của mình, biết chị M cho vay bạc góp thường để tiền trong cốp xe nên nảy sinh ý định mốc cốp xe lấy trộm tiền trả nợ. Quan sát không thấy ai để ý, bị cáo giả vờ tiếp cận xe chị M, dùng tay trái kéo mạnh yên xe lên và dùng tay phải cho vào trong cốp xe móc ra 01 bóp da nữ màu nâu. Bị cáo mở cốp xe của bị cáo và bỏ cái bóp móc được vào, chạy xe tẩu thoát ra đến cổng quán gặp chị M, bị cáo giả vờ nói tiền cà phê để tính sau rồi chạy xe đến đoạn đường Đặng Văn B thuộc Phường 1, T mở cốp xe lấy bóp vừa trộm được kiểm tra bên trong có 23.005.000 đồng và những giấy tờ liên quan của chị M. Bị cáo bỏ bóp và giấy tờ vào cốp xe và lấy tiền đem trả nợ cho T1, T2, D1 (quen biết ngoài xã hội, không rõ họ tên, địa chỉ cụ thể) và tiêu xài cá nhân còn lại 300.000 đồng.

Đến khoảng 16 giờ cùng ngày, chị M phát hiện tài sản của mình bị mất nên trình báo với Công an Phường 1, thành phố C. Ngày 30/7/2020, Công an Phường 1 mời bị cáo đến trụ sở làm việc, tại đây bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi như đã nêu trên, đồng thời giao nộp: 01 bóp da màu nâu bên trong có: 01 giấy Chứng minh nhân dân, 01 thẻ tiết kiệm ACB tên Lê Thị M, 01 giấy đăng ký xe biển số 66F1-598.67, 01 giấy đăng ký xe biển số 66H6-7132, 300.000 đồng, 01 xe môtô biển số 66P2-225.37 và trang phục mặc khi thực hiện hành vi phạm tội gồm: 01 áo thun tay ngắn màu xám và 01 quần sọt màu xám.

Sau khi bị phát hiện, bị cáo đã nộp lại 16.805.000 đồng để khắc phục hậu quả. Cơ quan điều tra đã trả lại cho chị M 01 bóp da màu nâu, các giấy tờ liên quan và 16.805.000 đồng. Đồng thời, chị M yêu cầu T bồi thường tiếp 6.200.000 đồng. Ngày 19/11/2020, chị M có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị can T.

Đối với xe môtô biển số 66P2-225.37 do chị Nguyễn Thị Thùy D (vợ của bị cáo) đứng tên chủ sở hữu, thường ngày bị cáo dùng xe để làm phương tiện đi lại và ngày 29/7/2020 bị cáo lấy xe để đi uống cà phê và thực hiện hành vi trộm cắp, chị D hoàn toàn không biết nên xác định đây không phải là phương tiện bị

cáo cố ý dùng để thực hiện hành vi phạm tội, Cơ quan điều tra đã trả xe lại cho chị D.

Tại phiên tòa bị cáo trình bày, số tiền 6.200.000 đồng bị cáo đã hoàn trả cho chị Lê Thị M. Bị hại chị Lê Thị M trình bày đã nhận 6.200.000 đồng từ bị cáo và đã nhận lại đủ số tiền bị mất trộm. Đồng thời, chị M xin cho bị cáo được hưởng án treo.

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Thành T thống nhất với nội D cáo trạng đã truy tốm thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội đúng như nội D đã nêu trên và phù hợp với vật chứng thu giữ, biên bản tiếp nhận nguồn tin tội phạm, biên bản khám nghiệm, sơ đồ, bản ảnh hiện trường, lời khai người bị hại và các tài liệu chứng cứ khác thu thập trong hồ sơ vụ án.

Bản cáo trạng số 116/CT-VKSND-TPCL ngày 23/11/2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp truy tố Nguyễn Thành T về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ Luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo như Cáo Trạng đã nêu. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Thành T phạm tội "Trộm cắp tài sản". Áp dụng khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thành T với mức án từ 09 tháng đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 02 năm đến 03 năm. Về trách nhiệm dân sự, người bị hại đã nhận lại tài sản, không yêu cầu bồi thường gì thêm nên không xem xét. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự và khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy: 01 áo thun tay ngắn màu xám và 01 quần sọt màu xám (đã qua sử dụng) của bị can không yêu cầu nhận lại, không còn giá trị.

Bị cáo nói lời sau cùng, thừa nhận hành vi phạm tội của mình và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng: Tại phiên tòa vắng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử xét thấy sự vắng mặt của người này không gây trở ngại cho việc xét xử và lời khai của người này đã có trong hồ sơ vụ án nên căn cứ vào Điều 292 và Điều 299 Bộ luật Tố tụng hình sự tiến hành xét xử vắng mặt họ tại phiên tòa.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Cao Lãnh, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Cao Lãnh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với các lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố, đúng như nội D bản cáo trạng đã mô tả và được chứng minh bằng lời khai của bị hại, người làm chứng, sơ đồ hiện trường cùng toàn bộ các tài liệu thu thập có trong hồ sơ vụ án. Có đủ cơ sở xác định, vào ngày 29/7/2020, Nguyễn Thành T đã có hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản bằng việc móc cốp xe 66H6-7131 để lấy 01 bóp da màu nâu bên trong 23.005.000 đồng của chị Lê Thị M, số tiền chiếm đoạt được sau đó bị cáo đã tiêu xài cá nhân hết.

Viện kiểm sát truy tố và luận tội đối với bị cáo Nguyễn Thành T về tội trộm cắp tài sản là có căn cứ.

Bị cáo là người đã thành niên, đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự theo quy định pháp luật, nhận thức rõ hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện.

Từ những cơ sở trên, Hội đồng xét xử xét thấy có đủ cơ sở kết luận bị cáo Nguyễn Thành T đã phạm tội "Trộm cắp tài sản", tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự quy định:

"1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc bị phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm...."

[4] Xét tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội của bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, khắc phục hậu quả, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, được bị hại xin giảm nhẹ hình phạt, có anh ruột là liệt sĩ đây là các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết tăng nặng: Không có.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm trật tự và

an toàn công cộng và tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Vì vậy, cần áp dụng mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo nhằm cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt, đồng thời có tác dụng răn đe, phòng ngừa chung trong toàn xã hội. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Lãnh đề nghị áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự, cho bị cáo hưởng án treo. Hội đồng xét xử xét thấy, bị cáo có nhân thân tốt, có 02 tình tiết giảm nhẹ thuộc khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, có nơi cư trú rõ ràng, được bị hại xin cho hưởng án treo, hiện nay bị cáo là lao động chính để nuôi 02 con nhỏ đang tuổi đi học, bị cáo có khả năng tự cải tạo, việc cho bị cáo hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội và bị cáo không thuộc những trường hợp không cho hưởng án treo nên đề nghị của đại diện Viện kiểm sát cho bị cáo hưởng án treo là phù hợp.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản, không có yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự và khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy: 01 áo thun tay ngắn màu xám và 01 quần sọt màu xám (đã qua sử dụng) của bị can không yêu cầu nhận lại, không có giá trị (Hiện vật chứng trên Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh đang tạm quản lý theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 24/11/2020).

[7] Về án phí: Bị cáo Nguyễn Thành T phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 65 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thành T phạm tội *"Trộm cắp tài sản"*.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thành T 01 (một) năm tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách của bị cáo 02 (hai) năm, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 12/01/2021).

Giao bị cáo Nguyễn Thành T cho Ủy ban nhân dân Phường 1, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp bị cáo Nguyễn Thành T thay đổi nơi cư trú thì phải thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật Thi hành án Hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự và khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy 01 áo thun tay ngắn màu xám và 01 quần sọt màu xám, đã qua sử dụng (Hiện vật chứng trên Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh đang tạm quản lý theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 24/11/2020).

Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Nguyễn Thành T phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- VKSND TPCL;
- VKDND tỉnh Đồng Tháp;
- CQĐT Công an TPCL;
- CQTHAHS Công an TPCL;
- Trại tạm giam CA tỉnh ĐT;
- Bộ phận hồ sơ nghiệp vụ;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Đặng Thị Thanh Thảo